

Bản án số: 23/2021/HNGĐ- ST.

Ngày: 14/5/2021.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Văn Lương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Quang Khải;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 14/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST - HNGĐ, ngày 22 /10/2020, về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXX - ST ngày 22/4/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lương Văn L- Sinh năm: 1969. " Có mặt"

Trú tại: Bản N K, xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

**2. Bị đơn:** Bà Quàng Thị B - Sinh năm: 1968. "Có mặt"

Trú tại: Bản N K, xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/10/2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B( nguyên đơn) ông Lương Văn L trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và cô Biên lấy nhau và có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, chúng tôi sống với nhau không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng tính tình không hợp nhau, chúng tôi đã sống ly thân từ 20/7/2017 cho đến nay, chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Biên.

Về con chung: Ông L khai vợ chồng có 01 con chung là: Cháu Lương Thị Việt Lào, sinh ngày 11/4/2008. Ông L đồng ý cho con ở với mẹ, phần cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của cháu Lào cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về tài sản:

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, đất ruộng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 28/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) bà Quàng Thị B trình bày:*

*Về hôn nhân:* Tôi và anh Lả lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ năm 2007 tại UBND xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do chồng tôi nghi ngờ tôi lấy trộm tiền 5.000.000đ, nhưng hôm đó do chồng tôi say rượu nên đánh rơi, con gái tôi nhặt được nhưng đã tiêu hết 50.000đ, sau chồng tôi và em chồng tôi tên là Minh đã đánh tôi đến ngất đi, sau đó ba ngày thì chúng tôi ly thân cho đến nay. Hiện nay anh Lả làm đơn xin ly hôn, tôi cũng đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Bà Biên công nhận vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lường Thị Việt Lào, sinh ngày 11/4/2008. Hiện nay cháu đang ở cùng với tôi, tôi có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh Lả phải cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ một tháng.

*Về tài sản:*

Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật:** Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn Lường Văn L, Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp ly hôn.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Ông Lả xin ly hôn với bà Biên, bà Biên có hộ khẩu thường trú tại xã T C, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

**[3]. Về điều luật áp dụng:** Ông Lả và bà Biên lấy nhau năm 2007, đến năm 2020 thì ông Lả khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[4]. Về quan hệ hôn nhân:** Ông Lả và bà Biên lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đã xảy ra mâu thuẫn. Hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ.

Ông Lả thấy hiện nay tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Lả xin ly hôn, bà Biên cũng đồng ý ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[5]. Về con chung:** Hai vợ chồng có 01 con chung, bà Biên có nguyện vọng được nuôi con chung, ông Lả cũng đồng ý và cháu Lào cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Để đảm bảo quyền lợi và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của trẻ em, căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật HN&GD nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Biên, giao cháu Lương Thị Việt Lào cho bà Biên trực tiếp chăm sóc, giáo dục;

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Biên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng một tháng, ông Lả không đồng ý, sau đó bà Biên yêu cầu ông Lả cấp dưỡng 500.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh của nguyên đơn và bị đơn đều là lao động bình thường ở nông, đều là làm ruộng, nên HĐXX chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng một tháng là phù hợp với điều kiện hiện nay của ông Lả.

**[6]. Về tài sản:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[7]. Về án phí:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5, Điểm a, đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Lương Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000783 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, ông Lả đã nộp đủ án phí DSST. Ông Lả còn phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS (Năm 2015);
- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

**1- Tuyên xử:** Ông Lương Văn L được ly hôn với bà Quàng Thị B.

**2- Về con chung:** Giao con chung là Cháu Lương Thị Việt Lào, sinh ngày 11/4/2008 cho bà Biên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Hàng tháng ông Lả cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2021.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

**3- Về Tài sản:** - Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không xem xét giải quyết.

- Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không xem xét giải quyết

**4- Về án phí:** Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5, Điểm a, đ Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Lương Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000783 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, ông L đã nộp đủ án phí DSST. Ông L còn phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ điều 26 Luật thi hành án dân sự: "Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã T C;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Văn Lương**

